

Bản án số: **39/2019/DS-ST**

Ngày: 13/8/2019

V/v “*Tranh chấp hợp đồng
tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RẠCH GIÁ – KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Sô Phép

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Chung Kim Sang

2. Ông Cao Trọng Mạnh

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 81/2019/TLST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2019, về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2019/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng thương mại cổ phần P

Đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Văn T, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Địa chỉ: số 41 và 45 đường L, phường B, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Văn B, chức vụ: Giám đốc RB kiêm phó giám đốc Ngân hàng TMCP P chi nhánh Kiên Giang.

Địa chỉ: Số 281 đường N, phường V, Tp. R, tỉnh Kiên Giang.

Người được uỷ quyền: Bà Trần Thanh T, sinh năm 1987, chức vụ: Chuyên viên thu hồi nợ - TT XLN - Ngân hàng TMCP P, theo giấy uỷ quyền số 132/2019/GUQ-CNKG ngày 17/5/2019 (*có mặt*).

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968 (*có mặt*);

Ông Trần Văn K, sinh năm 1964 (*có đơn xin vắng mặt*);

Cùng địa chỉ: Số nhà 330/3 đường T, phường A, Tp. R, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2018 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thanh T trình bày: Vào ngày 14 tháng 7 năm 2017 bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K có vay vốn của Ngân hàng TMCP P số tiền 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 0488/2017/HDTD-CN, thời hạn cho vay 36 tháng, hình thức trả nợ: trả gốc định kỳ vào ngày 5 hàng tháng, trả lãi 01 tháng/kỳ, lãi suất trong hạn 9%/năm, lãi

suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay là tiêu dùng. Tài sản bảo đảm nợ vay gồm: Quyền sử dụng đất ở tại đô thị tại địa chỉ số 330/3 đường T, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang, thửa số 35, tờ bản đồ số 65, diện tích đất 43m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở diện tích xây dựng 43m², diện tích sàn 86m², nhà cấp 3 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 648147 do Ủy ban nhân dân thành phố R cấp ngày 04/3/2015.

Trong quá trình vay vốn bà H, ông K đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi được quy định trong Hợp đồng tín dụng về trả nợ vay. Vài tháng thì bà H, ông K trả gốc và lãi 01 lần, nhưng không trả hết số tiền gốc đã quá hạn, lần trả gốc và lãi cuối cùng là vào ngày 04/6/2019, sau đó ngưng không trả cho đến thời điểm hiện nay. Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu bà H, ông K thanh toán nợ cho Ngân hàng nhưng cho đến nay vẫn chưa thanh toán.

Nay bà Thùy đại diện theo uỷ quyền yêu cầu Toà án buộc bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K phải trả cho Ngân hàng tính đến ngày 13/8/2019 số tiền gốc 116.750.000 đồng, lãi suất trong hạn 11.150.541 đồng, lãi suất quá hạn 4.508.177 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 132.408.718 đồng và yêu cầu tính lãi phát sinh từ ngày 14/8/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận trên hợp đồng tín dụng đã ký cho đến khi thanh toán dứt nợ. Nếu bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K không trả được nợ thì yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

* Bị đơn bà Nguyễn Thị H trình bày tại bản tự khai ngày 13/6/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án: Ngày 14/7/2017 tôi và ông K có vay của Ngân hàng TMCP P số tiền gốc 200.000.000 đồng, khi vay có thế chấp nhà đất tại số 330/3 đường T, phường A, Tp. R, tỉnh Kiên Giang. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vợ chồng tôi đã trả được 83.250.000 đồng tiền gốc và hiện nay còn nợ số tiền gốc 116.750.000 đồng, do làm ăn thất bại vợ chồng tôi đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi hàng tháng theo hợp đồng tín dụng đã ký, khoảng 02 đến 03 tháng vợ chồng tôi trả gốc và lãi một lần, nhưng đến nay chưa trả hết số tiền nợ gốc đã quá hạn, lần trả gốc và lãi cuối cùng là vào ngày 04/6/2019. Tính đến ngày 13/8/2019 vợ chồng tôi còn nợ số tiền gốc 116.750.000 đồng, lãi suất trong hạn 11.150.541 đồng, lãi suất quá hạn 4.508.177 đồng, tổng cộng là 132.408.718 đồng. Nay bà H đồng ý trả số nợ gốc và lãi là 132.408.718 đồng cho Ngân hàng, nhưng xin trả dần trong thời hạn 04 tháng.

* Bị đơn ông Trần Văn K trình bày tại đơn xin vắng mặt: Vào ngày 14/7/2017 tôi và bà Nguyễn Thị H có vay của Ngân hàng số tiền gốc là 200.000.000 đồng, có thế chấp tài sản là nhà đất tại số 330/3 đường T, phường A, Tp. R, tỉnh Kiên Giang, xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng cho đến khi dứt nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Trần Văn K có đơn xin vắng mặt, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là bà T và bị đơn bà H đồng ý xét xử vắng mặt ông Trần Văn K. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông Trần Văn K.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP P khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K có địa chỉ tại số 330/3 đường T, phường A, Tp. R, Kiên Giang phải có trách nhiệm trả số tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

[3] Về nội dung vụ án: Xét thấy giữa Ngân hàng TMCP P và bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K đã phát sinh giao dịch tín dụng thông qua hợp đồng tín dụng số 0488/2017/HĐTD-CN ngày 14/7/2017, theo đó Ngân hàng cho bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K vay số tiền 200.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng, hình thức trả nợ: trả gốc định kỳ vào ngày 5 hàng tháng, trả lãi 01 tháng/kỳ, lãi suất trong hạn 9%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn; mục đích vay là tiêu dùng. Quá trình thực hiện hợp đồng bà H, ông K đã trả được 83.250.000 đồng tiền gốc và hiện nay còn nợ tiền gốc 116.750.000 đồng. Phía bà H, ông K cũng đã có cam kết trả nợ cho Ngân hàng rất nhiều lần nhưng không thực hiện, như vậy bà H, ông K đã vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. Do đó, Ngân hàng yêu cầu bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K phải có nghĩa vụ trả số nợ gốc 116.750.000 đồng, lãi suất trong hạn 11.150.541 đồng, lãi suất quá hạn 4.508.177 đồng, tổng cộng gốc và lãi là 132.408.718 đồng. Căn cứ vào Điều 463, 466 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định về vay tài sản và nghĩa vụ trả nợ của bên vay và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định về việc thỏa thuận lãi suất trong hoạt động kinh doanh tín dụng. Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là có căn cứ phù hợp pháp luật.

Xét hợp đồng tín dụng số 0488/2017/HĐTD-CN ngày 14/7/2017 giữa Ngân hàng TMCP P với bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K được lập thành văn bản và ký kết với nhau là tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật khi giao kết nên hợp đồng là hợp pháp, làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết trong hợp đồng. Hợp đồng tín dụng nêu trên được đảm bảo bằng hợp đồng thế chấp số 0263/2015/BĐ ngày 10/9/2015 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0263.01/SĐBS - HĐBĐ ngày 14/7/2017, được quy định tại các Điều 317, 318, 500 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng đối với tài sản đảm bảo hợp đồng vay, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hợp đồng thế chấp số 0263/2015/BĐ ngày 10/9/2015 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0263.01/SĐBS - HĐBĐ ngày 14/7/2017 thực hiện đúng quy định và đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền

sử dụng đất thành phố Rạch Giá ngày 10/9/2015. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 351 Bộ luật dân sự năm 2015 và được hướng dẫn tại Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 về giao dịch bảo đảm thì yêu cầu này của Ngân hàng là có cơ sở để chấp nhận. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 0263/2015/BĐ ngày 10/9/2015 và hợp đồng sửa đổi, bổ sung số 0263.01/SĐBS - HĐBĐ ngày 14/7/2017 để thu hồi nợ.

Từ những phân tích nêu trên, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP P số tiền vay gốc, lãi tính đến thời điểm ngày 13/8/2019 là 132.408.718 đồng (trong đó nợ gốc 116.750.000 đồng, lãi suất trong hạn 11.150.541 đồng, lãi suất quá hạn 4.508.177 đồng) và tiền lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng kể từ ngày 14/8/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

[4] Về thời gian trả nợ: Bà H, ông K yêu cầu được trả nợ dần trong thời hạn 04 tháng, nhưng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà T không chấp nhận. Nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét vì không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, trường hợp bà H, ông K có khó khăn thì có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xem xét, giải quyết trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội. Bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch đối với số tiền 132.408.718 đồng là: $132.408.718 \text{ đồng} \times 5\% = 6.620.435 \text{ đồng}$.

Bà H, ông K có đơn xin miễn giảm án phí ngày 12/8/2019 và được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận gia đình có hoàn cảnh khó khăn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận giảm 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm, số tiền án phí bà H, ông K phải nộp là: $6.620.435 \text{ đồng} \times 50\% = 3.310.217 \text{ đồng}$.

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí, hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.515.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 303, Điều 317, Điều 318, Điều 323, Điều 463, Điều 466, Điều 500 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần P về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K.

Buộc bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP P số tiền vốn lãi của hợp đồng tín dụng số 0488/2017/HĐTD-CN ngày 14/7/2017 tính đến ngày 13/8/2019 là 132.408.718 đồng. Bà H, ông K còn phải có nghĩa vụ trả tiền lãi phát sinh theo thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 0488/2017/HĐTD-CN ngày 14/7/2017 kể từ ngày 14/8/2019 cho đến khi tất toán xong nợ vay cho Ngân hàng.

Hai bên trực tiếp giao nhận tiền hoặc giao nhận tại Cơ quan thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Sau khi án có hiệu lực pháp luật nếu bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K không thanh toán được nợ, thì Ngân hàng TMCP P có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp gồm: Quyền sử dụng đất ở tại đô thị, thuộc thửa số 35, tờ bản đồ số 65, diện tích đất 43m² và tài sản gắn liền với đất là nhà ở, nhà cấp 3, diện tích xây dựng 43m², diện tích sàn 86m², tọa lạc tại số 330/3 đường T, khu phố 6, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BY 648147 do Ủy ban nhân dân thành phố R cấp ngày 04/3/2015 do bà Nguyễn Thị H đứng tên. Tài sản thế chấp nêu trên đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố Rạch Giá ngày 10/9/2015.

Trường hợp bị đơn đã tất toán xong số tiền nợ cho nguyên đơn trước khi phát mãi tài sản thi hành án thì nguyên đơn phải có nghĩa vụ trả lại cho bị đơn 01 (một) bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 648147 do Ủy ban nhân dân thành phố R cấp ngày 04/3/2015 do bà Nguyễn Thị H đứng tên.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H, ông Trần Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm giá ngạch là 3.310.217 đồng (*Ba triệu ba trăm mười nghìn hai trăm mười bảy đồng*).

Hoàn trả cho nguyên đơn Ngân hàng TMCP P số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.515.000 đồng (*Ba triệu năm trăm mười lăm nghìn đồng*), theo biên lai thu số 0001592 ngày 26/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá, Kiên Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND Tp. Rạch Giá;
- Cơ quan THA Dân sự Tp. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

THẠCH SÔ PHÉP

